

QUỸ ETF MAFM VN30

Số/No.: 922/2023/CV-MAFM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2023
Hanoi, day 22 month 09 year 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI****ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*
Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *State Securities Commission*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF MAFM VN30
- Mã chứng khoán/ *Securities symbols*: FUEMAV30
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 21/09/2023
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF /Unit: 1 *ETF Creation Unit* = 100,000 *ETF certificates*

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT <i>Order</i>	Mã chứng khoán <i>Securities symbol</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weighting</i>
I.	Chứng khoán/ <i>Stock</i>		
1	ACB	3900	6.0%
2	BCM	100	0.5%
3	BID	200	0.6%
4	BVH	100	0.3%
5	CTG	800	1.8%
6	FPT	1300	8.8%
7	GAS	100	0.7%
8	GVR	200	0.3%
9	HDB	2400	2.9%
10	HPG	3700	7.2%
11	MBB	3300	4.3%
12	MSN	700	3.8%
13	MWG	1300	5.0%
14	PLX	100	0.3%
15	POW	700	0.6%
16	SAB	200	1.1%
17	SHB	3400	2.8%
18	SSB	1700	3.1%
19	SSI	1200	3.0%
20	STB	2200	5.0%
21	TCB	2700	6.4%
22	TPB	1500	2.0%
23	VCB	700	4.2%
24	VHM	1300	4.5%
25	VIB	1500	2.2%
26	VIC	1300	4.8%
27	VJC	300	2.0%
28	VNM	1000	5.4%
29	VPB	5400	8.1%
30	VRE	1100	2.1%
II.	Tiền / <i>Cash</i> (VND)	2,368,093	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value*:
 - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: 1,457,340,000 VND
 - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: 1,459,708,093 VND
 - + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value*: 2,368,093 VND
 - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread*:
 - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
 - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason*:

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	ACB	22,450	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	45,700	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
3	BVH	44,600	BVSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
4	FPT	98,500	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	HDB	17,850	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	MBB	19,200	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	MWG	55,800	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	TCB	34,350	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	VIB	21,000	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)
State if component securities shall have corporate action:
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có) / Other informations:

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*)	Kỳ trước/Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	21/09/2023	20/09/2023	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	26,800,000	26,800,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ Closing price	14,390	14,590	(200)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
- của quỹ ETF/ of the Fund	391,201,768,996	388,339,174,845	2,862,594,151
- của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,459,708,093	1,449,026,772	10,681,321
- của 1 CCQ/ per share	14,597.08	14,490.26	106.82
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,219.19	1,234.57	(15.38)

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ Item 5 is net asset value at 20/09/2023

(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ Item 5 is net asset value at 19/09/2023

Tổng Giám Đốc kiêm đại diện pháp luật

CEO and legal representative



Soh Jin Wook